

Sống Đời Tự Do

Nguyễn Đình Hạnh, K19

Lần ra đi 1955

Sau Hiệp định Genève năm 1954, những người cấy rẽ ruộng của cha mẹ tôi từ làng Thiên Đông, Hà Đông, quê nội nhận tin ra là hãy đi đi, đừng về làng nữa. Nếu trở về đòi lại ruộng đất, thì gia đình tôi sẽ bị đầu tó. Không rõ những người cấy rẽ này, vì lý do muốn cướp ruộng đất mà họ đang cấy cấy mà không muốn giết hại gia đình tôi, hay vì lòng tốt mà xúi chúng tôi nếu trở về sẽ bị hại. Nhưng cách gì thì muốn an toàn mạng sống cũng đừng trở về làng nữa, dù cho gia đình tôi chỉ có vài mẫu ruộng để làm hương hỏa.

Ba Mẹ tôi bối rối vì không biết xử trí ra sao nữa, đi bị mất trắng tay những gì dành dụm cả đời. Quẫn trí, không còn biết hỏi ai, Mẹ tôi hỏi tôi tính sao. Tôi thì hy vọng rằng sau hai năm sẽ tổng tuyển cử, gia đình mình sẽ trở về, và họ trả lại nhà cửa ruộng đất, mà gia đình an toàn. Nhà tại Hà Nội tạm thời để Bà Ngoại tôi ở trên lầu, và nhà dưới cho Bà Hảo là chị họ của người em kết nghĩa của mẹ tôi, ông bà Bùi Văn Kỳ mướn, bà Hảo này có nghề làm bánh phở. Những bột vụn làm bánh phở thay vì bỏ, cũng dư đủ để Bà Ngoại chúng tôi ăn thay cơm. Ba

tôi làm công cho hãng máy bay Air France, nên vẫn còn việc và đi chuyên theo hãng xuống Hải Phòng.

Nghe lời tôi, Mẹ mang các em tôi, Hiền, Hòa, Bình, An và Khanh, xin di cư vào miền Nam. Vài ngày sau, mẹ và các em tôi tập trung tại Trường Puzignier, Hà Nội, rồi sau đó xe chở sang phi trường Gia Lâm, bay vào Nam, ở tạm tại nhà chị tôi Nguyễn Thị Nghĩa và con rể Nguyễn Văn Đoàn, chờ Ba và tôi đi sau. Rồi ngày tiếp thu Hà Nội thì Ba và tôi đi chuyên theo hãng xuống Hải Phòng, ở tạm tại basement của văn phòng của các hãng Air France, Air d'Azure, và cả France Air Force, số 9 Maréchal Joffe Boulevard. Đầu tháng 3 năm 1955, thấy tình hình dân chúng có thể đi lại giữa Hà Nội có vẻ như thuận tiện, Ba tôi cho tôi về lại Hà Nội, nghe ngóng tình hình xem có thật sự Việt Minh cướp tài sản của mọi người dân như đồn không? Tôi mua ít cua biển và vài hộp sữa đặc theo xe lửa mang về Hà Nội làm quà cho người thân.

Xe lửa đến Hà Nội, tôi đi thẳng về nhà xưa, nhưng nhà đã thay đổi, bà ngoại tôi vẫn ở trên lầu, nhà dưới bây giờ bị chiếm đóng chặt nhà bởi mấy chục người bộ đội. Còn gia đình bà Hảo đã bị đuổi đi vì lý do nhà tôi có người đi di cư. Vô tình tôi về, nên bị giữ làm con tin. Kể từ hôm đó, đi đâu ra khỏi nhà tôi luôn luôn bị hai tên bộ đội cao lớn theo sau canh giữ. Họ nói cho rằng gia đình tôi còn có tài sản gửi giấu nơi người quen. Nếu tôi ghé thăm ai, người đó sẽ bị một trong hai tên bộ đội theo tôi điều tra. Vô tình tôi gây phiền lụy cho họ, tôi quyết định không ghé thăm ai nữa.

Tôi cũng được biết bà cô ruột tôi, tên Thúy cùng chồng tên Thiệu đi kháng chiến đã trở về, hiện cư ngụ tại một biệt thự bên phía trái Nhà Hát Lớn Hà Nội. Nghe vậy, tôi tìm tới thăm biếu quà, nhưng không gặp bà cô chỉ gặp ông chồng. Sau những lời hỏi thăm, tôi nhờ ông viết thư kêu gọi Ba Mẹ tôi trở về. Nhưng có lẽ hiểu thâm ý của tôi định dùng thư của ông để làm giấy đi đường, nên khi nhờ ông giúp mua vé xe lửa đi Hải Phòng thì ông từ chối. Chán nản, tôi không bao giờ gặp

lại ông và bà cô nữa.

Hàng ngày tôi đi lớn vòn quanh gần Ga Xe Lửa Hàng Cỏ (Gare Gambetta) với hai cái đuôi bộ đội lẻo đẹo theo sau, đầu óc căng thẳng với câu hỏi là làm cách nào về lại Hải Phòng gặp Ba tôi. Mặt khác, tôi đã sang tên nhà cho Bà Ngoại tại Cité Immobiliere Hà Nội, đồng thời nói, là nếu không thấy tôi về ăn cơm chiều, thì biết là tôi đi rồi, đừng khai báo gì hết. Bà ngoại tôi, cũng bị giam lỏng trên lầu với con mèo mướp. Con mèo này cũng là nạn nhân của mấy tên bộ đội, vì bị chết hụt mấy lần. Vì đám bộ đội chiếm nhà tôi, thiếu thịt, hau háu rình ở chân cầu thang, nên nó không dám bén mảng tới gần cầu thang đi xuống, đành hàng ngày phải ăn cơm với rau muống chấm nước muối với bà ngoại tôi.

Mỗi ngày ngủ dậy, tôi đều đi lang thang hết phố phường, đôi thì mua một gói xôi hay mẩu bánh mì ăn, nước thì kê miệng vào vòi nước công cộng đầu đường. Một hôm giữa tháng Tư 1955, tôi đi ngang qua rạp cinéma phố Hàng Quạt, thấy chiếu phim Em Bé Mồ Côi Vanina của Nga, tôi bỗng nảy ra ý nghĩ, coi phim và lợi dụng bóng tối, sẽ dứt giây hai cái đuôi theo sát tôi hơn một tháng rồi. Nghĩ sao làm vậy, tôi mua vé. Hai tên bộ đội không mua và vẫn theo sát tôi vào trong rạp, chúng chia nhau ngồi cạnh hai bên tôi.

Chuyện phim nhạt nhẽo, tả quân đội Nga lượm được một đứa bé gái mồ côi giữa mặt trận, mang về nuôi lớn và huấn luyện trở thành một nữ gián điệp Nga xinh đẹp. Khi phim gần hết, tôi giả bộ đứng lên đi tiểu, hai tên bộ đội cũng vội vọt dậy chạy theo tôi vào phòng vệ sinh. Tôi chán nản nên không coi đoạn kết và bỏ ra về, lang thang ngoài đường, như phàn xạ lê chân về hướng gare xe lửa như mọi khi. Ga này nằm gần Chợ Cửa Nam (cũng là nơi tôi và thằng em họ tên Phương từng đi đón Ông Hồ Chí Minh đi dự Hội Nghị Fontainebleau từ Pháp về năm 1946). Liếc nhìn nhà ga, một tên bộ đội đứng trên những bậc thềm cao canh giữ, và hỏi giấy phép những người vào mua vé đi xe lửa. Tôi biết tôi sẽ khó qua được tên gác cửa

vì không có giấy chứng nhận của tổ liên phố, đã vậy, nếu tôi mà có ý định lọt vào nhà gare là hai tên bộ đội sẽ nắm đầu tôi ngay lập tức.



Ga Hàng Cỏ, khoảng năm 1940.

Đi qua khỏi nhà ga thì tới khu chợ Cửa Nam bên phải, chợ đông đúc người mua bán ồn ào. Tôi dừng dừng đi ngang qua, khi vừa tới ngã tư cạnh chợ tôi rẽ trái. Bỗng nghe tiếng còi xe lửa báo hiệu sẽ có đoàn tàu từ nhà ga sẽ đi ngang sau chợ, tôi đi tới để nhìn đoàn xe lửa sẽ đi qua. Một người gác cổng xe lửa tiến ra hạ cây cản cản đường cản khách và xe cộ qua lại. Tôi đứng ngay giữa đường nhựa, hai tay ôm thanh chắn như người đứng nhìn xe lửa qua, nhìn xuống lòng đường, tôi nhận ra có đường sắt của xe điện chạy bắt chéo qua đường xe lửa ngay dưới chân tôi.

Kỷ niệm chợ đến, thường thứ Bảy, mẹ tôi cho tôi tiền đi lễ nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế ở Thái Hà Ấp, tôi thường nhảy xe điện để khỏi trả tiền. Vậy tại sao tôi không nhảy xe lửa? Nhưng xe điện chạy trên đường rầy trên chính giữa đường nhựa bằng phẳng, còn xe lửa thì hai bên rải đá lổm chổm, đã vậy hai bên đường khá thấp so với chiều cao của tôi, hai tên bộ đội canh tôi lại cao lớn. Nhưng đây là cơ hội cuối cùng không còn lựa chọn, phải nhảy tàu bằng mọi giá. Đoàn tàu từ từ ngang qua sau chợ, toa hành khách ngang qua, rồi kể đến

những toa chở hàng (wagons), xe lửa dần tăng tốc độ. Khi toa cuối cùng ngang qua khỏi chực thước, tôi thình lình chui dưới cây cản, và co giò lao rượt theo toa cuối cùng. Nhờ đôi giày Bata lót giấy báo và tiền khá dày, nên cũng đỡ đau. Cửa hông toa mở, bên ngoài có treo lủng lẳng quang gióng của mấy bà buôn gánh. Tôi không biết bám vào đâu để leo lên toa. Túng quá, tôi nhảy lên ôm đại đám quang gióng, và co giò rướn móc chân vào sàn tàu. Người vãn đưng đưa bên ngoài, may mắn mấy bà buôn gánh đang ngồi bệt trên sàn tàu thấy vậy, người nắm quang gióng, người nắm chân kéo vào trong toa. Còn tôi hú hồn lí nhí cảm ơn. Đưa mắt ngoá lại, hai tên bộ đội dép lốp vẫn còn chạy lẻo đẻo xa dần bên đường tàu vẫy tay gọi!!! Xe lửa qua cầu Long Biên và chạy dọc theo Quốc Lộ 5 hướng về Tỉnh Hải Dương.

Xe chạy đến Ga Trạm Xá (làng Phạm Xá, Hải Dương) thì dần chậm lại. Nhìn bên trái đoàn tàu, bộ đội đứng dọc theo Quốc Lộ 5 đầy đường. Đàn ông có, đàn bà có, súng đeo vai, chờ tàu dừng sẽ lên khám xét. Nhìn sang bên phải thì là đồng ruộng xanh tươi.

Cũng có những người bán đồ ăn như bánh tây (bánh mỳ), bánh dày, bánh chưng, gai, giò, và cả giò chả từng thỏi nhỏ cỡ hai ngón tay và dài độ 12 phân, và nước uống. Họ đứng sát hai bên đường tàu rao hàng. Thấy nếu để tàu dừng hẳn, bộ đội leo lên xét, thì tôi không có giấy tờ đi đường, lại không có vé, chắc chắn là khó thoát. Tôi quyết định bám thành tàu và thả chân xuống và chạm đất trước khi tàu dừng hẳn bên phía ruộng bên phải. Một cô bé chạy lại mời tôi mua bánh tây (mì), tôi mua một ổ nhỏ và một cây chả chiên, rồi bọc trong áo lót. Sau đó, tôi đi vòng phía sau tàu, bước ngang qua quốc lộ, nhắm phía trái trạm gác đường vào làng, và đi vào làng như người địa phương, trong khi tên gác mải lo chăm chú nhìn xem đồng bọn lên tàu khám xét.

Dân làng cũng kéo ra đứng bên kia đường xem xét xe lửa nên không ai để ý đến tôi. Đi sâu chừng vài bước, thấy không

ai lưu ý một thằng nhỏ quần áo dơ dáy như tôi. Tôi vòng trở lại, đứng lẫn sau lưng đám dân làng. Liếc ngó bên trái, thấy trên Quốc Lộ 5 có một thanh chắn ngang quốc lộ xe hơi. Bên kia thanh chắn, có ba nhân viên Ủy Hội Quốc Tế (International Commission Control, ICC) đứng lơ dang giữa đường, nhìn đám bộ đội cộng sản đang xét bắt, họ đứng đung thây chèo kéo như không có gì xảy ra. Nhìn trang phục, dễ dàng nhận ra họ là người Canada, Ba Lan, và Ấn Độ.

Lúc này, bộ đội cộng sản đã chia nhau lên tất cả các toa lục soát, đồ đạc, hành trang tài sản tư đều bị thu giữ lại, lý do là tài sản của nhân dân. Gia đình đi đông người thì chủ gia đình cũng bị giữ lại điều tra. Thanh niên đi một mình, thì có các cô náu kéo lại với bài bản “Đất nước mình giờ độc lập, anh ở lại với em kiến thiết đất nước v.v...” Kết quả là ai tiếc của, hay sợ bị gia đình chia rẽ thì ở lại tất cả, thanh niên thì bị lờ tầu. Trong lúc đứng sau lưng dân làng quan sát, tôi cũng dần nhích về phía trái để gần với thanh chắn quốc lộ hơn, ước tính khi xe lửa được phép chạy, tôi có đủ thời giờ chạy, chui và rượt theo kịp đoàn tầu.

Cuối cùng, xe lửa được phép chuyển bánh, để lại trên quốc lộ, đầy những hành khách và đồ đạc của những người bị giữ lại, như chiến lợi phẩm của cộng sản. Khi đầu tầu qua khỏi thanh chắn được vài toa, tôi phóng mình về phía ICC, cũng chui qua, phóng mình ngang quốc lộ, lao xuống đoàn tầu, và nhanh chóng nhảy lên được một toa hành khách.

Trong toa trống vắng, chỉ còn lác đác vài người. Tôi ngồi đối diện một ni cô trẻ, trên tay còn cầm chiếc khăn đội đầu. Có lẽ cô này đã bị lột khăn xem có cạo đầu tu thực hay có dấu gì trên đầu không. Cô này cúi nhìn xuống sàn tầu, mặt buồn so. Thấy buồn quá, không muốn nhìn, tôi leo lên cửa sổ, ngồi thòng chân ra ngoài, nhìn miền Bắc lần cuối cùng. Tôi đi từ sáng đến giờ chưa ăn uống gì, bây giờ biết mình thoát, nên mang bánh mì ra ăn. Xe lửa đến Ga Hải Phòng gần năm giờ chiều. Trời còn sáng, muốn giữ lại những kỷ niệm chót của

thành phố, tôi thông thả đi bộ về hướng Ngã Sáu về nhà.

Về tới nhà trời xẩm tối, Ba tôi mừng lắm vì tưởng vĩnh viễn mất tôi. Tôi kể lại tình hình nhà cửa và bị giam lỏng, rồi kết luận, mình phải di cư. Tôi nói, gia đình mình mất tất cả tài sản rồi, nếu ở lại, có thể còn mất mạng, mà gia đình cũng không toàn vẹn nữa. Ba tôi buồn lắm, thần thờ nói tùy con. Qua hôm sau, trước khi lái chiếc xe Vélo-solex (duy nhất tôi có tại miền Bắc) ra tòa Thị Chính Hải Phòng, xin giấy di cư vào miền



Ga Hải Phòng, khoảng năm 1940

Nam, tôi nhận thấy Ba tôi phờ phạc, hốc hác như già đi mấy chục tuổi. Vắng tất cả một đời dành dụm chất bộp, bây giờ bị cướp sạch.

Tại trụ sở cơ quan di cư, họ đưa cho tôi một mẫu đơn giấy cứng, lớn cỡ hai tờ giấy học trò, màu xanh đọt chuối lợt. Tôi điền, và nộp ngay tại chỗ. Họ cho biết ngày mai tám giờ sẽ có mặt tại Tòa Thị Chính, và di chuyển vào miền Nam. Trên đường về, ngang qua khu vườn hoa, thấy dân chúng bày bán đủ thứ để chạy, tôi mua một cái valise da lớn và một đôi chiếu đề phòng xuống tàu thì trải nằm. Tôi xếp quần áo Ba và tôi vào valise, đồ ấm thì cho lại u em (gốc làng Gò Giữa, Sơn Tây), và chị Dinh người làm tất cả quần áo. Ba tôi cũng nghỉ việc

hôm tôi còn kẹt ở Hà Nội, hãng Air France bồi thường Ba tôi ba năm lương.

Bây giờ sáng ngày 20 tháng 4 năm 1955, Ba và tôi chở nhau ra tòa Thị Chính, tại đây có nhiều xe hàng đã chờ sẵn, Chúng tôi được giúp đỡ chất đồ đạc lên xe. Còn chiếc Vélosolex của tôi, Ba tôi dùng bao tải bọc cái đầu máy, để phòng bể máy khi bốc dỡ lên tàu. Xe hàng chở chúng tôi tới cầu Hạ Lý, ở đó những chiếc tàu há mồm lớn (Landing Craft Vehicle & Personnel, LCVP) chở chúng tôi ra tàu lớn Marine Serpent đậu tại vịnh Hạ Long.

Chuyển sang tàu lớn, chúng tôi không còn bị say sóng như khi ở trong tàu há mồm LCVP. Trên tàu có giường bố nên chiếu không cần, Ngày ba bữa cơm nóng đầy đủ, di chuyển bốn ngày sau thì cập bến Bạch Đằng, Sài Gòn. Mọi người ở thêm một đêm trên tàu để chờ hành lý bốc dỡ. Sáng hôm sau, ăn sáng xong, mọi người lần lượt xuống bến và lấy hành trang đã xếp thứ tự từng hàng trên bến. Hành lý của chúng tôi dễ dàng nhận thấy từ xa nhờ chiếc xe Vélosolex đen dựng đứng. Lấy hành lý xong ra cửa, mỗi đầu người được trợ cấp 700 đồng làm lộ phí.

Những người họ đạo hay từng làng xóm đi chung thì có xe hàng chở đi đến những Khu Trù Mật, Dinh Điền. Riêng tôi và Ba tôi thì đón xe xích lô máy về nhà em ruột của Ba tôi: 422 Richaud Prolongée (Phan Đình Phùng nối dài, ngay góc Nguyễn Thiện Thuật). Ngủ qua một đêm, hôm sau, lại đón xe taxi đi Trung Chánh tìm mẹ tôi và các em. Kể từ đó tôi bắt đầu phải bỏ học để đi làm phụ với mẹ tôi nuôi các em tôi, vì Ba tôi bị mất trí vì mất mát quá nhiều.

Ngày 30 Tháng Tư 1975, tôi quyết định ở lại để Việt Nam, nhưng rồi gia đình tôi tan nát, các em tôi đi “tù “cải tạo”. Mẹ tôi vì chống đối cộng sản, và bị trả thù nên đã mất. Gia đình tôi bị đuổi đi Kinh Tế Mới Đồng Hới, vợ tôi bị nghỉ dạy. Tôi thì ít khi về nhà nên không thấy vợ con tôi suy sụp đói khổ. Một lần

chợt ghé về thăm, thấy gia đình không có tương lai, tôi quyết định rời Việt Nam vĩnh viễn.

Lần ra đi 1976

Ủy Ban Quân Quản Thành phố Sài Gòn ban lệnh ngày 31 tháng 5 năm 1976, sẽ là thời hạn hạn chót tất cả kỹ giả ngoại quốc tại miền Nam, phải rời khỏi Việt Nam. Tôi tự nghĩ, có lẽ để thế giới bên ngoài không thấy sẽ có một cuộc tắm máu thanh trừng. Cuối cùng, tôi quyết định sẽ rời Việt Nam trước khi chuyện thanh trừng có thể xảy ra. Tuy nhiên, di chuyển đi bằng đường bộ qua ngã Cambodia, thì chỉ có đàn ông đủ sức chịu đựng mà thôi, và gia đình tôi sẽ phải ở lại chịu đựng sự đầy ải trả thù. Sau tôi quyết định, để các con cháu tôi sẽ không sống trong quần đảo ngục tù và trả thù của cộng sản, chỉ còn cách sẽ hoặc sống cả hoặc chết cả. Và tôi tiến hành mua ghe.

Sau vài lần lên xuống miền Tây thăm dò, tôi ghé lại thăm những người lính năm xưa tôi từng chỉ huy, rồi ngỏ ý bàn chuyện mua ghe. Những anh em binh sĩ cũ, ai muốn đi thì cùng rời Việt Nam bằng đường thủy với tôi, còn ai vương bận gia đình không muốn đi thì ở lại tùy ý. Việc mua ghe sẽ có Trung Sĩ nhất Nguyễn Văn Tợn (Hai), chuyên viên giải phẫu Bệnh Viện Phan Thanh Giản, (trước kia anh là cận vệ của tôi). Ghe sẽ hoặc là tác ráng lớn sẽ có tốc độ chạy nhanh, để an toàn sẽ sửa lại như catamaran, hoặc ghe lườn rộng rãi và ít bị sóng gió, nhưng chạy sẽ chậm.

Ngày 30 tháng 5 năm 1976, mọi người trong gia đình, đứng trước bàn thờ người Mẹ mới mất được 100 ngày, đồng khấn nguyện xin cho các con cháu của Người ra đi bình an, hoặc bị tuyệt diệt. Sau đó, các gia đình anh em tôi rời nhà trước giờ giới nghiêm, các điểm hẹn kiểm soát nhau là Bến Xe Đò Phú Lâm miền Tây, Bắc Mỹ Thuận, và cuối cùng là Bến Xe Sa Đéc. Trường hợp xảy ra bất lợi, đàn bà và trẻ con bỏ lại trên xe đò, còn chúng tôi đàn ông sẽ tìm cách trở lại Sài Gòn. Tuy nhiên, mọi người cố tập trung đi cùng chuyến để yểm trợ lẫn

nhau khi hữu sự.

Vì đường phố vắng người, chúng tôi phải đi bộ ra tới chợ Trương Minh Giảng mới thấy mấy người chạy xe xích lô máy ngủ bên lề đường. Khi chúng tôi đánh thức họ dậy, họ chịu chở chúng tôi đi một lượt. Tại bến xe miền Tây đi Bắc Mỹ



Người di cư đang đợi lên tàu tại Hải Phòng, 1954

Thuận, chúng tôi là người đầu tiên, nên lên cùng một chuyến xe. Gia đình Bình ngồi gần tài xế xe, nhiệm vụ kiểm soát tài xế khi có chuyện bất lợi, đồng thời giấu 60 trái lựu đạn dưới gầm ghế tài xế. Gia đình Hòa và An ngồi khoảng giữa xe, nhiệm vụ lo bảo vệ cho đàn bà và trẻ con. Còn tôi ngồi giữa băng cuối mang kiếng đen, nên dễ quan sát tất cả xe. Trong bộ đồ bộ đội, nón cối dẹt râu, sau lưng dắt hai khẩu súng, một khẩu

Colt 45 có thêm 1 viên đã lên nòng, cò chết, và một khẩu roulette loại 6 viên. Tôi dựa vào băng ghế như ngủ gà ngủ gật.

Xe qua cầu Bình Chánh thì có trạm xét, tên bộ đội lên xét xe, xe vắng, thấy tôi thì hấn đi thẳng xuống và cho qua. Xe qua Long An cũng qua dễ dàng, nhưng khi tới Mỹ Tho thì xe vào bến lấy thêm khách, trước khi xe rời bến có hai tên bộ đội lên kiểm soát. Có lẽ Mẹ tôi che chở nên khi tên lên cửa sau thấy tôi ngồi, hấn ra hiệu tên lên cửa trước xuống xe, và xe rời bến an lành đi thẳng xuống Cầu Bắc Mỹ Thuận. Gia đình anh em chúng tôi tản mát các chỗ chờ Bắc (phà) tới. Tôi đi quan sát, thấy chúng đang cho các cháu ăn cơm vắt buổi sáng. Sang qua sông Tiền Giang rồi, thì mạnh ai nấy tự đón xe đi Sa Đéc. Đưa

xe Lam ba bánh, đưa xe đò, đưa xe lôi. Sau khi thấy các em tôi đi rồi, tôi mới đón xe lôi đi sau cùng.

Tới bến xe Sa Đéc, tôi đi một vòng kiểm soát lại, thấy tất cả đang ngồi rải rác trong các tiệm hủ tiếu quanh bến xe đầy đủ. Tôi kiếm một tiệm ngồi một mình xa xa canh chừng. Khoảng 11 giờ thì Trung Sĩ Nhất Hai Tợn đến gặp tôi, và cho biết sẽ chở đàn bà và trẻ con dần dần bằng ghe nhỏ về nhà Hai ở tạm, còn đàn ông thì đi bộ xuyên qua tỉnh về. Tôi lững thững đi trước, các em tôi bám theo sau xa xa về nhà Hai.

Tới nhà mới hay việc mua ghe tưởng sẽ xong như dự tính, nhưng giá cả chưa thuận, mọi người phải ở tạm nhà ven sông Sa Đéc của vợ chồng Hai. Căn nhà của Hai đang ở trên đường Lê Lợi bán được 600 ngàn, cộng với tiền bán xe Lambretta, máy may, gia dụng trong nhà kể cả quần áo, và lọ thuốc Prednison cuối cùng của tôi cũng chỉ có được 1 triệu 300 ngàn. Chủ ghe, ông Tám Tâm cố kéo nài thêm, nhưng sau khi Hai mang tặng ông cái đồ cắm viết bằng gỗ quý với con sư tử vàng của tôi cho ông làm quà, thì mọi việc thỏa thuận tốt đẹp. Ghe được kéo về đậu sau nhà của Hai.

Ghe lườn này mũi có thể đóng ở giữa mũi kín mít, chở được 300 gạo lúa, dài 11 thước, rộng 2 thước, gỗ dày 2 cm còn mới. Dưới đáy lườn ghe được bọc thiếc để tăng sức chịu đựng mọi cọ sát hay va chạm ở đáy ghe, hy vọng chịu đựng được sóng biển hay cọ quẹt đá ngầm, san hô.

Nhìn toàn diện bên ngoài như một con thoi lớn, nổi lênh bênh trên mặt nước, ngoài hai lối ra vào trước và sau ghe, còn có hai cửa sổ nhỏ hai bên hông sau. Trờ ngại là ghe không có máy thì làm sao di chuyển. Vợ chồng Hai phải sục sạo tìm mua máy, cuối cùng cũng mua được hai máy đuôi tôm. Nhưng đặt bằng cách nào bây giờ, đặt máy trong lòng ghe thì sẽ tránh được sóng gió và sức đẩy thẳng sẽ mạnh hơn, nhưng thời gian gấp rút không cho phép kéo ghe lên ụ khoan đáy, đành phải đặt máy bên ngoài sau ghe như máy đuôi tôm chạy trong sông

ạch vậy.

Hai máy ghe này là Kohler chạy xăng 12 mã lực, còn máy kia là Yanmar chạy diesel 7 mã lực, máy sau đã được biến chế chuyên hông (pignon) để tăng sức đẩy. Hai đi cả buổi sáng 2 tháng 6 năm 1976 vẫn chưa thấy mang máy Yanmar về, mọi người lo lắng. Trong khi đó ở nhà, chúng tôi đã chuyển thuốc men, máu khô (plasma), nước việc nấu nướng khi ra khơi. Nhiên liệu mang theo là dầu 700 lít xăng dầu. Ngoài ra còn nhiều thùng đạn đại liên loại lớn trên trục thẳng cũng chứa nước ngọt. Bản đồ đi biển được dẩu sau tấm hình tên hồ chí minh (hcm) treo trên vách (2).

Đặc biệt Thím Hai đã chu đáo may những cuộn băng cột vết thương (elastic) thành những tấm mền lớn, đề phòng máy hư sẽ được xử dụng như buồm.

Khi Hai chở máy Yanmar bằng ghe nhỏ về, tôi đứng ra coi đặt máy vô ghe, và đang nói câu giã từ với Tía của Trung Sĩ Nhất Hai Tợn. Tía của Hai, dáng người cao lớn, mảnh khảnh, nhưng quắc thước, không dấu được một sức mạnh bền bỉ của lớp người tiên phong xưa, đã khai sơn phá thạch để mở mang bờ cõi miền Nam thời hoang dã, ông đã để trong tôi một niềm ngưỡng mộ đáng kính.

Tôi khuyên ông đi theo chúng tôi, nhưng ông giọng trầm trầm, từ chối:

- "Năm nay tôi 72 tuổi rồi, tôi muốn ở lại quê hương này, chống mắt xem lũ việt cộng này làm gì được cho đất nước. Chỉ xin thầy nếu có dịp trở về giúp nước thì hãy về. Tôi cho thằng Hai đi theo để bảo vệ thầy, và xin thầy coi nó như em."

Tôi không dám hứa, nhưng vẫn mãi giữ trong lòng lời vị chức sắc Hòa Hảo này.

Trong lúc bịn rịn chia tay sau nhà, vô tình, chủ nhà bên cạnh là cụ Út Tấn, nhận ra tôi là ai, bà ta lớn tiếng:- "Tao biết thằng này là ai rồi. Nó xuống đây là chuẩn bị đánh chiếm lại vùng này."

Cháu Tâm (con lớn của Hai) mang AK-47 đứng gác ở trước cửa nghe được, chạy ra sau gặp tôi báo tin:

- "Bác Hai, mẹ Út bên cạnh đang đi báo việt cộng bắt bác."

Thế là Ông Cụ Tía của Hai ra hiệu từ già và vội nhảy xuống chiếc ghe tam bản cột cạnh đó chống đi, còn tôi cũng nhảy xuống chiếc ghe lườn, nhưng máy chưa nổ được, nên đành chống sào đi theo con nước trôi từ từ trên kinh Xáng Sa Đéc,



Đứng từ trái qua phải: Bình, An, Đường, Tâm, Hai Tợn, Hòa

xuôi về hướng Long Xuyên. Đó là trưa ngày 1/6/76. Sau này tin từ Việt Nam đưa ra cho biết bọn việt cộng nhiều lần gọi ông cụ lên thăm vấn về việc chúng tôi, những người lính Trinh Sát, ra đi, nhưng ông đều nói nó lớn rồi nên không biết gì hết. Ba tôi ở Sài Gòn cũng bị chị Quán thuê nhà xưa đi tố cáo với việt cộng, nhưng tra khảo chán không tung tích gì nên thôi.

Chèo chống được độ ba cây số khá mệt vì ghe nặng cản nước. Khi ghe qua rạch ngang Cái Giao, Tứ Quý, nơi Trinh Sát 9 đã có lần tiêu diệt Đại Đội Lê Hà của vc, tôi ẩn mình trong ghe. Dân chúng miền Tây thường đều rành xử dụng máy đuôi tôm, nên khi thấy trên bờ có người nông dân, chúng tôi tấp vô bờ. Hỏi anh này có biết tại sao máy Yanmar không nổ. Anh này lên ghe mở khóa xăng và điều chỉnh chốt điều hòa

không khí, giạt vài cái là máy chạy được ngay. Vô tình anh này là cứu tinh của chúng tôi. Thế là ghe được đẩy bằng máy. Mỗi bận tâm chánh của chúng tôi là cần có thêm một chân vịt phụ, đề phòng khi bị rơi mất ngoài biển.

Khi ghe ngang qua gập trạm chặn xét của việt cộng tại chợ Lấp Vò, tôi tắt máy từ xa, giả bộ ghe hư chân vịt, không điều khiển được nên cứ chống quay lòng vòng trước trạm. Chiếc ghe lớn công kênh cản trở lưu thông, không ghe nào dám đến gần. Tên bộ đội chặn xét khó chịu, đuổi ghe tôi sang trái để trống chỗ cho các ghe khác có thể ghé vô trạm kiểm soát. Thím Hai nhảy lên bờ, giả bộ hỏi thăm chỗ nào bán chân vịt và nhang đèn. Một hồi sau, Thím Hai trở về ghe, nói cả chợ Lấp Vò không có bán chân vịt, và chúng tôi ngồi đợi. Đến lúc bọn việt cộng đổi gác, tôi cho nổ máy và lái đi luôn.

Ghe ra tới sông Hậu Giang gần Long Xuyên thì trời nhá nhem tối. Tôi lái vòng sang trái, ngang qua cầu Bắc Vàm Cống, Long Xuyên. Xuôi theo hướng Quận Thốt Nốt, nhưng đi khoảng vài trăm thước thì rẽ phải vô Kinh Vàm Xáng đi Kiên Tân (Cái Sắn). Ghe chạy trong Kinh Vàm Xáng ngang qua Kinh 2 đâm vô Kinh Vàm Xáng thì trời tối hẳn không tiện đi tiếp đành phải neo lại để ngủ. (Còn cách Kinh B (Bùi) độ 10 cây số). Đồng thời lấy thêm nước trong kinh để dự trữ trong hai thùng phui lớn 200 lít (fut, barrel), đề phòng đi xa nữa nước biển sẽ nhiễm mặn, và không có nước ngọt ăn uống. Các thùng nước ngọt đều dùng vải nhựa nylon cột miệng để tránh bị trào khi ghe chòng chành.

Mờ sáng hôm sau, mùng 3 tháng 6 năm 1976, chúng tôi đã nhổ neo và chạy tới Quận Kiên Tân (Cái Sắn, Kiên Giang) thì ngưng khoảng một tiếng để mua thêm trứng và thịt heo để làm thịt kho trước, phòng khi ra biển bị nhồi sóng, sẽ khó nấu nướng. Mặt khác, mua thêm vải nhựa, dây thung để bọc thêm các phi nước ngọt cho chắc. Mua xong chúng tôi đi ngay, gần tới Rạch Sỏi, Quận Kiên Thành thì gặp con nước lớn, tôi chưa quen điều khiển nên chòi điều khiển vương thành cầu

sắt, bị sập, nhưng không thiệt hại gì, chỉ hú hồn. Khi ghe rẽ vô Rạch Giá, ghe xuống qua lại khá đông, tránh được ghe nhỏ qua lại thì lại đụng phải đoàn tàu sắt (barque) kéo khoáng sản (clinker) từ nhà máy Kiên Lương về Sài Gòn, mũi ghe bên phải của chúng tôi bị mẻ một miếng bằng bàn tay.

Thím Hai thì vốn tin dị đoan, nên nghĩ là vợ tôi, Thúy có bầu nên xui, nhưng vốn kính trọng chồng và tôi nên chỉ dám lầm bầm. Ghe vô tới Rạch Giá, chúng tôi lại gặp trạm tuần duyên việt cộng kiểm soát ghe đánh cá, và chuyên chở thủy sản ra vô cửa biển Rạch Giá. Chúng tôi bỗng cũ soạn lại, tấp vô nói ghe hư và hỏi mua chân vịt máy và nhang đèn để cúng xả xui. Tên bộ đội việt cộng gác cửa khẩu này, nghe hỏi mua nhang đèn ở đâu, hấn trả lời sằng giọng là không biết, lên bờ mà kiếm. Chúng tôi phải chờ đến hai giờ trưa, bọn gác đổi phiên mới lại nổ máy đi tiếp. Nhắm hướng Kinh Xáng Hà Tiên, chạy song song với bờ biển Rạch Giá về Hà Tiên, đến năm giờ chiều thì bánh lái ghe lại vướng giây cáp ngầm của một đoàn chở khoáng sản khác đậu xuôi theo bờ kinh. Hai phải lặn xuống tháo gỡ bánh lái, rồi kéo ghe lướt qua khỏi đoàn tàu, sau đó mới lắp bánh lái lại. Lúc này trời đã tối hấn nên ngưng nghỉ đêm tại Tri Tôn Linh Quỳnh.

(Còn tiếp)

Tháng Tư - Người Về Có Nhớ Thương Binh!

Vũ Thị Trúc Mai, Khóa Cương Quyết 4 Phụ

Viết thay Hạ Sĩ Dương Đại Đội 4/ Tiểu Đoàn 52 BĐQ

*Tao một cẳng ôm mây chôn lần nữa
Giữa đất thù nơi mây chết banh thây...*

Tổng Y Viện Cộng Hoà sau ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Chuyện kể một Thương Binh Việt-Nam Cộng-Hoà bị đuổi khỏi Quân Y Viện Cộng Hoà sau ngày cộng sản cướp Miền Nam.

Sài Gòn ngày 2/5/1975

Hôm ấy, chỉ một ngày sau cái ngày tang thương của đất nước - Ngày 30 Tháng Tư Đen, quang cảnh trong Tổng Y Viện Cộng Hoà xáo động thê thảm. Những bọn người hung bạo với súng AK kéo vào Quân Y Viện lung sục, đuổi xua các thương binh đang nằm điều trị. Nhiều tràng đạn AK vang lên, bọn xâm lược nổ súng bắn đe dọa. Nhiều tên la hét:

- ĐM. chúng mày có cút ra ngay không? Chúng ông bắn chết cả lũ bây giờ.

Nhiều thương binh Việt Nam Cộng Hoà vừa mới giải phẫu

hôm qua, hôm kia, còn đang mê man trong phòng hồi sinh đã bị lật nhào xuống sàn bởi bọn cộng sản này:

- ĐM., thằng này mày ngoan cố hả? Đi ra ngay! Cút!

Toàn là giọng Bắc Kỳ, giọng miền Bắc Cộng Sản, nghe khô khốc như những tràng AK được chúng bắn để thị uy. Tiếng rên la vì đau đớn, tiếng ối ối gọi nhau tìm sự giúp đỡ của những người đồng cảnh ngộ vang lên khắp nơi. Từng toán thương binh kẻ lê, người lết kéo nhau đi ra trong nỗi hoang mang lo sợ tột cùng. Có người không chịu nổi đau đã chết ngay khi vừa bò ra tới gần cổng bệnh viện.

Máu mủ băng băng loang lổ đầy trên mặt đường.

Vào nằm trong Quân Y Viện Cộng Hoà đã mấy tháng nay, vết thương nơi chân phải bị cưa còn mưng mủ và rỉ máu, Dương vội quơ lấy chiếc nạng rồi cùng nhiều anh em diu nhau lết ra phía cổng. Phía sau là bọn bộ đội Bắc Kỳ điên loạn như loài thú say mồi lớn tiếng la hét một Thương Phế Binh Quốc Gia Việt-Nam Cộng-Hòa.

Những mũi súng lạnh đến rợn người được dí vào lưng những người bất hạnh, cũng như những viên đạn sẵn sàng ghim vào lưng ai đó nếu có hành động phản kháng.

Khi ngang qua một khu điều trị, thấy một cái chân giả của ai, có vết thương hơi giống Dương, có lẽ vì quá sợ hãi chân giả bị rút ra mà không dám dừng lại để gắn vào. Dương quơ vội gắn vào chân mình rồi tiếp tục lê lết cả nhắc bước đi, ra đến cổng chính của Tổng Y Viện Cộng Hoà. Một hình ảnh thật thương tâm đập vào mắt Dương. Hàng ngàn anh em thương binh nằm la liệt trên lề đường hoang mang không biết phải làm gì, đi đâu, về đâu trong tình trạng khốn khổ như thế này.

Nhưng một hình ảnh thật vô cùng cảm động là cảnh những người dân chung quanh Tổng Y Viện đến diu công những anh em không đi nổi, săn sóc băng bó lại vết thương cho những anh em đang chảy máu, uỷ lạo tinh thần anh em qua những ly nước điều thuốc, dốc những đồng tiền cuối cùng để anh em có

chút tiền đón xe về quê.

Bọn Việt Cộng sẽ phải trả lời trước lịch sử về hành động đã man khi chúng đuổi anh em thương binh VNCH ra khỏi các quân y viện sau ngày Miền Nam bị cưỡng chiếm.

Một cô gái dúm vợ vào tay Dương một ít tiền,

- Em cho anh gửi ít tiền. Chúc anh về bình yên.

Chưa kịp cảm ơn thì cô đã chạy đi. Dương tần ngần ngó theo, miệng lẩm bảm lời cảm ơn mà nước mắt trào ra. Dương đang thần thờ thì một thanh niên tấp xe Honda vào hỏi:

- Anh về đâu? Em chờ anh về.

Thôi thì “thắng về nội, thối về ngoại”, ý nghĩ nơi đầu tiên mà chàng phải trở về đó là Chơn Thành, nơi có người vợ chỉ vừa mới cưới được hơn một tháng thì chàng bị thương,

- Tôi về Chơn Thành – Bình Long. Anh cho tôi ra ngã tư Bình Phước.

Leo lên xe nhờ có chiếc chân giả lượm được nên Dương ngồi cũng thẳng bằng.

Gia tài của chàng bây giờ chỉ còn có cặp nặng và thêm cái chân giả hơi ngắn không đúng kích cỡ, cộng với số tiền cô gái dúm cho cuộn tròn trong túi áo. Đến ngã tư Bình Phước chàng móc tiền ra đưa người thanh niên chạy Honda nhưng anh ta từ chối,

- Em tiếc không chở anh về Chơn Thành được vì quá xa. Thôi em phải trở về Y Viện để chở các anh khác.

Nói xong anh ta quay ngoắt chiếc xe, tông mạnh ga ngược về hướng Sài Gòn. Thì ra cuộn tiền là năm tờ giấy hai trăm, một ngàn đồng số tiền gần tương đương 1/10 tiền lương hạ sĩ của chàng. Đối với cô gái thì đây là số tiền khá lớn. Vậy mà cô ta dúm vào tay mình một cách thần nhiên. Có thể cô còn cho tiền vài anh thương binh khác.

Đường xá thật vắng, thỉnh thoảng mới có một chiếc xe gắn

máy đèn hai ba người hay chở đầy đồ đạc chạy về hướng Bình Dương. Có lẽ mấy ngày trước họ chạy giặc về Sài Gòn, nay thấy cùng đường rồi nên lại quay về.



Người thương binh này bị VC đuổi ra khỏi Nhà Thương vào ngày 30 tháng Tư, 1975 khi vết thương còn rướm máu.

Đến gần tối mới có một chiếc xe đò chở chật cứng người. Anh giơ tay ngoắc, người lơ xe vỗ vào thùng xe ra dấu để tài xế ngừng xe lại, kéo Dương lên đứng phía đằng sau rồi la lên cho tài xế chạy. Cú kéo quá mạnh làm Dương lạng quạng chút xíu nữa làm rớt cặp nạng. Một vài người ngồi sau thấy Dương thương tật tỏ ý muốn nhường ghế nhưng cũng không có chỗ để đứng dậy nên đành chịu.

Khi xe chạy qua Búng (Lái Thiêu), phố xá lạnh lùng buồn thảm lần lượt hiện ra trước mắt chàng. Vào đến Bình Dương thì trời đã tối hẳn, xe vào trong bến xe vắng lặng thả khách. Dương bước xuống xe ngơ ngác. Một vài người xe ôm chạy tới mời chào, nhưng khi nghe anh muốn đi Chợ Thành họ đều từ chối vì đoạn đường trên 40 cây số chưa được khai thông. Một anh xe ôm hẹn Dương sáng sớm mai sẽ trở lại để chở anh đi. Chỉ còn lại một mình trên bến xe, Dương lùi vào một góc tối tìm chỗ ngả lưng qua đêm. Anh mong được chớp mắt vài

giờ sau cả một ngày vừa đau vừa mỏi mệt, nhưng đôi mắt cứ mở thao láo nhìn vào khoảng trống đêm đen. Trong đêm đen đã văng hiện về trước mắt Dương.

Ngày ấy, đang từ một thanh niên chuyên nghề bốc vác gạo ở dưới Miền Tây, nhân một chuyến theo xe chở gạo lên Sài Gòn khi xe chạy ngang một trạm tuyển mộ nhập ngũ nằm trên đường Hùng Vương, anh chợt nảy sinh ý định đăng lính. Anh kêu người tài xế ngừng xe và nhờ người bạn cùng bốc vác về nhắn với gia đình là anh tình nguyện vào lính và sẽ tin cho gia đình biết sau. Khi đó anh gần tròn 18 tuổi.

Tại trạm tuyển mộ, khi anh được hỏi muốn đăng lính nào, không chần chừ anh nói xin đăng lính Biệt Động Quân. Anh chọn lính này vì thực ra những năm 70-71, ngoài Địa Phương Quân và Bộ Binh anh chỉ thấy có lính Biệt Động Quân ở Miền Tây. Thế là ngay buổi chiều anh được chở về trại Đào Bá Phước nằm trên đường Tô Hiến Thành, rồi vài ngày sau một chiếc C123 chở gần 150 tân binh bay ra Nha Trang và được xe GMC đưa về Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân Dục Mỹ. Anh được cho biết người ta gọi đây là Trung Tâm Tàn Phá Sắc Đẹp, với tượng người lính BĐQ Sát bằng đồng đen cầm súng có gắn lưỡi lê trong tư thế cận chiến với quân thù. Sau ba tháng huấn luyện nếu người tân binh không đen như bức tượng đồng thì sẽ không ra trường. Lời nói không sai, sau ba tháng dầm mưa dãi nắng cộng thêm với thuốc TAB anh nào anh nấy mặt mày chân tay đen đui bóng lưỡng vạm vỡ khác xa lúc vừa mới vào quân trường.

Anh được đưa về Sài Gòn và phân bổ về Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân. Hai chiếc xe GMC chở gần 70 anh em tân binh về trại Phan Hạnh, hậu cứ của Liên Đoàn 3 BĐQ nằm tại Thanh Hóa, Hồ Nai. Tại đây, anh được đưa về Tiểu Đoàn 52 BĐQ, được phép bảy ngày thăm gia đình.

Hết phép, anh cùng hơn hai mươi anh em được chở lên đơn vị đang hành quân tại Suối Đá, Tây Ninh. Sau đó, cùng vài

anh em nữa anh được bổ sung cho Đại Đội 4. Vài ngày sau tiểu đoàn nhảy vào Bình Long, anh tham dự trận đánh đầu tiên và cũng là trận đánh lớn nhất trong đời quân ngũ của anh. Hai người bạn cùng khóa là Báu bị thương, Sắc hy sinh vào những ngày giữa tháng Tư. Sau gần ba tháng tử thủ và phản công, đại đội anh đã góp phần đập tan âm mưu bao vây đánh chiếm An Lộc, Bình Long.

Sau đó tiểu đoàn lại được bốc về giải tỏa Phước Tuy, Dầu Giây Hưng Lộc, Trảng Bom. Rồi trong trận giải tỏa Búng đưng với thắng D429 đặc công, bạn Long cùng khóa hy sinh, như vậy là bốn tân binh cùng khóa về Đại Đội 4 52 chỉ còn lại mình anh.

Ngày theo tiểu đoàn xuống Chơn Thành vào đầu năm 1974, anh gặp một người con gái tuy nhan sắc không sắc xảo mặn mà nhưng cũng dễ coi, chân quê thủy mỹ. Sau vài tháng đi lại làm quen rồi yêu nhau, giữa năm hai người làm đám cưới. Trong bữa tiệc mừng đông đủ họ hai bên, đảng trai gồm toàn những anh em binh sĩ cùng đơn vị.

Hương lửa đang nồng thì tháng 10 trong một trận đánh phía Nam ấp Xóm Ruộng anh bị trúng đạn pháo cụt mắt chân phải. Vì giao thông đường bộ không có nên vợ anh chỉ hai lần được theo trực thăng về căn cứ Long Bình, Biên Hoà để lên Tổng Y Viện Cộng Hòa thăm anh.

Rồi đầu tháng 4/75, anh đang nằm tại TYV Cộng Hòa thì Chơn Thành đánh lớn. Đơn vị di tản không biết ai còn ai mất? Anh không biết người vợ yêu thương của anh và gia đình ra sao? Nghĩ đến đây tự dung anh chấp tay lên ngực thâm thì van xin: “Lạy trời cho vợ con được bình an” mà nước mắt tuôn trào.

Sáng hôm sau, y hện người lái xe ôm đến từ mờ sáng. Anh ta đảo quanh một vòng, thấy Dương đang gấn chiếc chân giả vào. Anh ta chạy lại và đưa cho Dương trái bắp luộc.

- Anh ăn đỡ rồi lên xe. Phải anh là lính mình bị thương?

Dương chỉ gạt đầu vì miệng đang nhai bắp, cả ngày hôm qua đã có cái gì vào bụng đầu nên ăn ngấu nghiến. Thấy vậy anh lái xe nói luôn:

- Em chỉ xin anh cho em một trăm tiền xăng thôi, hai ngày trước khi “mấy ông” vào thì anh em ở Bệnh Viện 3 Dã Chiến bị đuổi ra thật tội nghiệp. Lúc đó Sài Gòn chưa bị chiếm nên họ đâu có cho ai đi ra khỏi tỉnh, vì thế anh em phải lủi vào nhà dân xin ở nhờ. Nhưng lúc đó dân mình cũng sợ quá chỉ cho ăn và biếu chút tiền chứ có ai dám chứa ở trong nhà. Họ mà bắt được thì toi mạng, nhất là cái đám du kích ở miệt vườn bây giờ nó thò mặt ra cùng với đám cao bồi du đãng đeo băng đỏ thấy mà phát ón. Thôi anh lên xe mình đi chừng giờ sau là đến à.

Xe chạy qua khỏi Lai Khê thì đường bắt đầu xấu loang lổ vì bom đạn, đó đây những lỗ mìn chống chiến xa của quân ta gài ngăn cản chiến xa của chúng tiến xuống đã được gỡ đi. Qua Rạch Bắp đến Bầu Bàng, xe chạy lạng qua lạng lại tránh những hố bom đạn, vì thế anh phải ôm chặt lưng anh “tài” cho khỏi té. Ngang qua chỗ anh bị thương, anh chỉ vào phía bên trái đường và nói:

- Chỗ này và ở sâu trong kia một chút là nơi tôi đã để lại khúc cẳng này. Qua cái cầu cạn này là vào Xóm Ruộng, lên tới ngã ba Chơn Thành anh quẹo phải chạy về hướng Đồng Xoài, đến Nha Bích là nhà vợ tôi. Lạy Trời cho vợ tôi được bình yên!

Nghe anh cầu xin anh chạy xe ôm lầy làm ngạc nhiên hỏi

- Thế anh không có tin gì của vợ anh sao?

- Tôi bị thương, lần cuối vợ tôi lên Quân Y Viện thăm tôi hôm tháng Hai, rồi chiến sự nổ ra tại Chơn Thành, tôi đâu có được tin tức gì.

- Tôi tin là chị được bình yên, lời anh cầu xin được nhận.

Theo lời hướng dẫn của anh, xóm Nha Bích với gần ba chục nóc gia nay chỉ còn hơn mười cái. Kia rồi ngôi nhà của

cha mẹ vợ anh vẫn còn đó, Ngôi nhà tranh vách đất nơi che nắng che mưa của ông bà cùng bốn người con trong đó vợ anh là lớn nhất vẫn còn kia. Khi xe vừa ngừng anh muốn tung cặp nạng rồi chạy tóa vào, nhưng anh không chạy nổi vì cái chân giả không ăn khớp chân thấp chân cao làm anh đau buốt. Nghe tiếng xe ngừng trước cửa, vợ anh chạy ra nhận ra anh. Chị la lớn lên:

- “Má ơi! Anh Hai, chồng con, về rồi.”

Chị ôm chầm lấy anh khóc thốn thức vì sung sướng, không nói được nên lời.

Vợ chồng ôm nhau mừng mừng tủi tủi. Anh chạy xe ôm thấy cặp vợ chồng đoàn tụ cũng vui lây, anh nói một câu:

- “Thấy chưa! Tôi nói đúng mà. Anh có hạnh phúc nhe! Thôi tôi đi.”

Nói đoạn anh rồ máy xe rồi phóng nhanh ra đường.

Dương chưa kịp buông vợ ra thì anh xe ôm đã mất hút, nghĩ mình hơi tệ, gặp lại vợ mừng quá quên cả trả tiền xe. Anh đâu biết rằng nhìn anh hạnh phúc nên người chạy xe ôm cũng muốn tặng anh một món quà cho ngày đoàn tụ.

Vài ngày sau, hai vợ chồng thu xếp mang nhau về quê nội. Nhưng rồi vì bên nội không có lấy một sào đất, mấy anh chị em trong nhà chỉ chuyên cày thuê cuốc mướn nên vài tháng sau vợ chồng lại trở về Chợ Thành.

Mấy năm đầu anh cũng vào tận mãi bờ Sông Bé khai phá lấy hơn mẫu đất trồng trọt khoai mì đậu phụng đắp đổi qua ngày. Sau này, người ta bắt đầu khai thác lại cao su nên hai vợ chồng xin làm phu cạo mủ cho đồn điền Minh Thạnh cho đến hôm nay.

Hai năm trước đây một người bạn thương binh cho một cái địa chỉ của một tổ chức nhỏ yểm trợ thương phế binh, Dương gửi thư sang xin giúp đỡ. Không ngờ người phụ trách tổ chức này lại là người đại đội trưởng cũ của anh. Ông gọi điện thoại

về hỏi thăm và vận động anh em đơn vị cũ, cũng như bạn bè của ông giúp cho Dương được vài trăm đô. Tuy số tiền chẳng lớn lắm nhưng tình cảm của ông cũng như tình cảm của những cấp chỉ huy cũ làm cho anh cảm động, nghĩ thầm:

- “Ông nào cũng đã bước vào cái tuổi xế chiều nhưng vẫn còn nghĩ đến những thằng em bất hạnh sống ở quê nhà, hỏi làm sao không trân quý cho được.”

Mấy lần ông gọi điện thoại về thăm, lần nào anh cũng cầu mong ông có sức khoẻ để thầy trò còn có dịp gặp lại nhau.

Tháng 12 năm ngoái, anh được ông đại đội trưởng cũ báo cho biết số anh em Liên Đoàn 3 BÐQ tử trận tại An Lộc sẽ được an táng lại. Dương lo thu xếp để có được vài ngày lên Bình Long cùng vài người có lòng nhân hậu làm cái công việc này. Anh nâng niu từng lóng xương của anh em, chùi rửa sạch sẽ rồi bọc lại bỏ vào quách mang đi chôn lại. Vừa làm vừa nghĩ đến thằng Sắc cùng một khóa Dục Mỹ. mấy ngày trước anh có hỏi ông đại đội trưởng cũ là sao không có thằng Sắc ở đây. Ông cho biết nó được chuyển lên bệnh viện tiểu khu chắc là được chôn tập thể ở khu đằng sau bệnh viện rồi. Tội nghiệp ba nó là ông Sáu đã gần sáu mươi làm tuý phách ở Ty Xã Hội Biên Hoà. Còn mẹ nó thì lại mù loà.

Xương cốt mấy anh em thuộc Đại Đội 4 được chính tay anh chùi rửa, trong đó có Trung Sĩ An, là tiểu đội trưởng của anh.

Ít tháng sau, mấy anh em lại cùng rủ nhau đi đào bới gom góp được 44 hài cốt của anh em thuộc Sư Đoàn 18, và 6 anh em Tiểu Đoàn 31 BÐQ. Chân thấp chân cao với đôi nặng gổ, anh đã cùng anh em lên đỉnh Đồi Gió, vào khu Quán Lợi, hay lang thang trong những cánh rừng cao su đào bới tìm hài cốt anh em đã được chôn vùi vội vàng trong những ngày sôi động của Mùa Hè Đỏ Lửa 72. Đôi khi anh nghĩ anh em tử trận nhiều quá mà chỉ có mấy người thì làm sao mà làm hết nổi, nhưng không làm thì ai làm cho bây giờ, thôi thì làm được tới đâu hay đến đó.

Có một lần ông đại đội trưởng cũ điện thoại về cảm ơn anh về việc làm này, anh nói với ông một câu từ tận đáy lòng anh

- Tui nghĩ tui còn may mắn hơn nhiều anh em khác, nhất là những anh em đã tử trận, nên nghỉ vài ngày cạo mũ để cùng mấy anh em đi đào bới cũng vui lắm, ông thầy ơi. Sang năm, nếu rảnh bọn này lại làm nữa.

- “Anh em tử trận nhiều quá mà chỉ có mấy người thì làm sao mà làm hết nổi, nhưng không làm thì ai làm cho bây giờ?”

Cũng như câu nói của Dương: “Tui còn may mắn hơn nhiều anh em khác” làm người đại đội trưởng cũ, suy nghĩ nhiều:

- Một người thương phế binh sống lam lũ nghèo khổ, mà còn có tấm lòng với anh em đồng đội xưa kia. Còn tôi, một người may mắn hơn anh mọi mặt, vậy mà không có được cái suy nghĩ như anh. Mỗi lần nói chuyện khi anh gọi tôi là “ông thầy” khiến tôi xấu hổ. Tôi muốn nói với anh: “Trước kia, tao là ông thầy, còn bây giờ mày là thầy tao”, nhưng ngượng ngùng tôi không nói được.

Nhân đây, tôi muốn gửi đến quý độc giả tình cảm của những người lính thủy chung nhân hậu, cho dù trong cảnh nghiệt ngã. Như Trương Văn Hùng bị cụt hai chân, khi bạn hy sinh, đã từ Huế lết vào Bình Định tìm cho bằng được thân nhân gia đình bạn báo tin.

Trước đây tôi ở Đại Đội 3, Tiểu Đoàn 52 BĐQ. Tình cờ đọc được tin của anh, tôi mới biết Tr/Uý Nguyễn Ngọc Tinh, đại đội trưởng cũ của tôi và bạn cùng đơn vị, tên Trần Hoài, đã hy sinh tại An Lộc, Bình Long. Tôi quá xúc động vì gần 50 năm tôi mới biết được số phận của người chỉ huy, và thắng bạn thân thiết... hay của hai người bạn cùng đơn vị gặp lại nhau sau 40 năm, đặc biệt là của cháu Phúc, lên nhận hài cốt của cha rồi tình nguyện ở lại tham gia nhóm thiện nguyện trên. Anh còn giúp cho hai bạn đồng đội gặp lại nhau.

Tổ chất nào đã tạo nên những người lính tuyệt vời như vậy? Phải chăng xuất phát từ lòng của người dân Miền Nam cộng

với tinh thần “Biệt Động Quân một ngày là Biệt Động Quân trọn đời.” Tôi tin chắc là như vậy.

Tái bút: Đinh kèm bài thơ xé ruột nát gan của Nguyễn Thanh Khiết người đã góp phần trong việc cải táng 61 tử sĩ Biệt Động Quân

Một Chân Về Chôn Bạn

*Tao một cẳng ôm mảy chôn lần nữa
giữa đất thù nơi mảy chết banh thầy
An Lộc còn đây mà tao mất mảy
mất bè bạn cùng một thời xương máu*

Tây Bắc Bình Long tụi mình hứng pháo
52 dàn ngang mình chận phía Đồng Long
cây cỏ tan hoang máu chảy ngập đồng
vừa đánh giặc vừa chuyển bi-đông rượu

*mảy chết – chết khi trời vừa hừng sáng
gom xác mảy chỉ một nắm trong tay
mảy chết – không có lấy tám thẻ bài
tao đứt ruột gói mảy bằng áo trận*

rồi tao đi những Bình Ba Bình Giã
Long Khánh, Bình Tuy, từ xa tới gần
trở lại Chơn Thành tao bỏ một chân
và tàn lụn sau cái ngày tan trận

*ba mươi chín năm, tao – thẳng mặt vận
về đây chôn mảy – chôn mảy miếng xương
mảy nằm đó – chẳng ai ngó, ai thương
tội tình chi mà phải nhiều lần chết*

tao cắn răng đưa mảy về với đất
chính chỗ mảy gác súng bỏ cuộc chơi
rót cho mảy rượu đế – một chung voi
và nhắc mảy nhớ – tao còn ở lại.